

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (109182) - Sĩ Số: 10 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
12345678901234567890123456789012											
Thời Khóa Biểu Học Tập											
981112	02				Toán kinh tế 2	93047	Tươi	2	1234-----	HD301B	2345678901234
931334	06				Luật kinh tế	93041	Yến	2	-----8901-----	HD404A	342345678901234
931397	03	08			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	2	-----8901-----	HD404A	5
711167	34				Kỹ năng mềm 2	71014	Duyên	3	12345-----	HD404A	34
931191	02				Kinh tế lượng (1+2*)	93034	Trang	3	12345-----	HD601A	342345
931191	02	02			Kinh tế lượng (1+2*)	93034	Trang	3	12345-----	HD501A	678
931397	03	06			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	3	1234-----	HD404A	0
711167	34				Kỹ năng mềm 2	71014	Duyên	3	-----8901-----	HD404A	34
931191	02				Kinh tế lượng (1+2*)	93034	Trang	3	-----8901-----	HD404A	342345
931397	03				Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	3	-----8901-----	HD404A	6789012
931825	02				Văn hóa kinh doanh	93064	Thành	4	-2345-----	HD603A	6789012345
151140	53				Tiếng Anh 2	01110	Huyền	4	-----8901-----	HD404A	42345678901234567
931191	02	01			Kinh tế lượng (1+2*)	93034	Trang	5	1234-----	HD603A	789
931208	04				Toàn cầu hóa	93067	Nghĩa	5	-----7890-----	HD404A	342345789
931208	04	01			Toàn cầu hóa	93067	Nghĩa	5	-----8901-----	HD404A	1
911504	14				Tư tưởng Hồ Chí Minh	09007	Cảnh	6	1234-----	HD401A	23456789123
931397	03	01			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	6	1234-----	HD404A	4
931397	03	03			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	6	1234-----	HD303A	5
931397	03	04			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	7	1234-----	HD401A	89
931397	03	02			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	7	1234-----	HD303A	4
931397	03	07			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	7	-----7890-----	HD303A	4
931397	03	09			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	7	-----8901-----	HD404A	3
931397	03	05			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	7	-----8901-----	HD404A	12

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	TỔ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456789012
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
931820	03				Thực tập 2 (Kỹ thuật)	93032	Yến	*			901
99000	75				Thi kết thúc học phần			*			678

In Ngày 29/04/20

Hưng Yên, Ngày 29 tháng 04 năm 2020
Người lập biểu

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (109183) - Sĩ Số: 26 - Khoa Kinh tế

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học	
12345678901234567890123456789012												
Thời Khóa Biểu Học Tập												
931334	03				Luật kinh tế	93039	Đào	2	1234-----	209.	345	2345678901234
931191	03				Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	2	-----78901-----	208.	5	
911504	18				Tư tưởng Hồ Chí Minh	09008	Vinh	2	-----89-----	D1-2	34	234567
931208	02				Toàn cầu hóa	93013	La	2	-----8901-----	D2-1	89 1234	
931191	03	01			Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	3	12345-----	209.	345	234567890123
981112	03	02			Toán kinh tế 2	93034	Trang	3	1234-----	209.	4	
931825	03				Văn hóa kinh doanh	93064	Thành	3	-----8901-----	D1-1	12345	
911504	18				Tư tưởng Hồ Chí Minh	09008	Vinh	3	-----901-----	D3-2	34	234567
711167	22				Kỹ năng mềm 2	71016	Thủy	4	12345-----	209.	0123	
981112	03				Toán kinh tế 2	93034	Trang	4	12345-----	209.	45	23
981112	03	01			Toán kinh tế 2	93034	Trang	4	12345-----	209.	456789	
931518	03				Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	5	12345-----	209.	34	2345 7
931518	03	01			Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	5	12345-----	209.	89 12345	
911504	18	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	09008	Vinh	5	-----89-----	D3-1	1	
151140	21				Tiếng Anh 2	01061	Tĩnh	6	1234-----	A7-203	34	23456789 123456
931825	03				Văn hóa kinh doanh	93064	Thành	6	-----8901-----	D2-1	12345	
931208	02				Toàn cầu hóa	93013	La	7	1234-----	D2-1	89 1234	
911504	18	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	09008	Vinh	7	-----789-----	D3-1	1	

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	TỔ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456789012
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
931820	04				Thực tập 2 (Kỹ thuật)	93014	Phóng	*			901
99000	76				Thi kết thúc học phần			*			678

In Ngày 29/04/20

Hưng Yên, Ngày 29 tháng 04 năm 2020
Người lập biểu

Thời Khóa Biểu Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (109191) - Sĩ Số: 45 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456789012
Thời Khóa Biểu Học Tập											
921114	28				Giáo dục thể chất 2	92019	Hùng	2	123-----	SANPN1	2 123456789
911102	19				Triết học Mác - Lênin	09020	Nhuần	2	-----8901-----	ĐH509	2345678901234567
931513	01				Nguyên lý kế toán (2+1*)	93061	Tâm	3	-----8901-----	ĐH509	2345678901
911602	08	01			Pháp luật đại cương	09007	Cảnh	3	-----8901-----	ĐH509	234567
981111	01				Toán kinh tế 1	93012	Huyền	4	-----8901-----	ĐH509	2345678901
931515	01	01			Quản trị học (2+1*)	93045	Hạnh	5	1234-----	ĐH519	12
911602	08				Pháp luật đại cương	09007	Cảnh	5	-----8901-----	ĐH509	3456
931515	01				Quản trị học (2+1*)	93045	Hạnh	5	-----8901-----	ĐH509	2345 789 1
931616	01				Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93067	Nghĩa	6	1234-----	ĐH509	23456789 12
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
99000	77				Thi kết thúc học phần			*			9012

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (109192) - Sĩ Số: 13 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
12345678901234567890123456789012											
Thời Khóa Biểu Học Tập											
911102	45				Triết học Mác - Lênin	09024	Huê	2	1234-----	HD502A	23456789012345678
931616	05	01			Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93033	Thủy	2	-----78901-----	HD603A	1234567
921114	54				Giáo dục thể chất 2	92015	Toàn	3	123-----	H_TD1	2123456789
981111	05				Toán kinh tế 1	93012	Huyền	3	-----7890-----	HD602A	2345678901
931513	05	01			Nguyên lý kế toán (2+1*)	93037	Giang	3	-----8901-----	HD602A	234567
981111	05	01			Toán kinh tế 1	93012	Huyền	4	1234-----	HD404A	2
931515	05				Quản trị học (2+1*)	93013	La	4	-----7890-----	HD602A	2345678901234567
931513	05				Nguyên lý kế toán (2+1*)	93037	Giang	5	-----8901-----	HD602A	2345 789 1
931513	05	01			Nguyên lý kế toán (2+1*)	93037	Giang	5	-----8901-----	HD602A	234567
931616	05				Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93033	Thủy	6	1234-----	HD603A	23456789 12
911602	12				Pháp luật đại cương	09007	Cảnh	6	-----8901-----	HD602A	23456789 1234
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
99000	78				Thi kết thúc học phần			*			9012

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (109193) - Sĩ Số: 30 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
12345678901234567890123456789012											
Thời Khóa Biểu Học Tập											
931515	02	01			Quản trị học (2+1*)	93013	La	2	12345-----	DL3.1	2345678
921114	29				Giáo dục thể chất 2	92022	Thương	2	-----901-----	SANTD4	2123456789
931515	02				Quản trị học (2+1*)	93013	La	3	1234-----	DL3.1	2345678901
931513	02	01			Nguyên lý kế toán (2+1*)	93004	Hương	3	12345-----	DL3.1	2345678
981111	02				Toán kinh tế 1	93052	Đức	4	1234-----	DL3.1	23456789012
911102	20				Triết học Mác - Lênin	09015	Toan	4	-----8901-----	D1-2	2345678901234567
931513	02				Nguyên lý kế toán (2+1*)	93004	Hương	5	1234-----	DL3.1	2345 789 123
931616	02	01			Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93024	Cường	5	-----78901-----	B2-208	2345678
911602	09				Pháp luật đại cương	93038	Nga	6	1234-----	DL3.1	23456789 12
911102	20	01			Triết học Mác - Lênin	09015	Toan	6	-----8901-----	DL3.1	4
931616	02				Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93024	Cường	7	1234-----	B2-101	23456789 12
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
99000	79				Thi kết thúc học phần			*			9012

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (114171) - Sĩ Số: 31 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
12345678901234567890123456789012											
Thời Khóa Biểu Học Tập											
931848	01				Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	2	12-----	ĐH520	01234567
931228	01	01			Kiểm toán căn bản	93030	Quỳnh	2	12-----	ĐH315	4234567
931144	01				Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	2	--345-----	ĐH315	4
931848	01				Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	2	--345-----	ĐH520	01234567
931144	01	01			Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	2	--345-----	ĐH315	423
931162	01	01			Kế toán thuế	93051	Yến	2	-----8901-----	ĐH319	1
931149	01				Kế toán hành chính sự nghiệp	93036	Thủy	3	12-----	ĐH315	34234567
931828	01				Bảo hiểm	93039	Đào	3	12-----	ĐH315	01234567
931149	01				Kế toán hành chính sự nghiệp	93036	Thủy	3	--345-----	ĐH315	34234567
931828	01				Bảo hiểm	93039	Đào	3	--345-----	ĐH315	01234567
931817	01				Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	4	12-----	ĐH315	01234567
931228	01	01			Kiểm toán căn bản	93030	Quỳnh	4	123-----	ĐH315	4234567
931817	01				Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	4	--345-----	ĐH315	01234567
931144	01				Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	4	---45-----	ĐH520	4
931144	01	01			Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	4	---45-----	ĐH315	423
931228	01	02			Kiểm toán căn bản	93030	Quỳnh	4	-----8901-----	ĐH504	1
931162	01				Kế toán thuế	93051	Yến	5	12-----	ĐH315	34234578
931822	01	01			Thanh toán quốc tế	93026	Huệ	5	1234-----	ĐH514	12
931162	01				Kế toán thuế	93051	Yến	5	--345-----	ĐH315	34234578
711168	41				Kỹ năng mềm 3	71015	Liễu	5	-----78901-----	ĐH318	12
931822	01				Thanh toán quốc tế	93026	Huệ	5	-----8901-----	ĐH514	342345789
931228	01				Kiểm toán căn bản	93030	Quỳnh	6	123-----	ĐH504	3
931334	04				Luật kinh tế	93041	Yến	6	1234-----	ĐH315	234567891234567

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456789012
931228	01				Kiểm toán căn bản	93030	Quỳnh	6	---45-----	ĐH504	3
711168	41				Kỹ năng mềm 3	71015	Liễu	6	-----8901-----	ĐH320	12
931149	01	01			Kế toán hành chính sự nghiệp	93036	Thủy	7	1234-----	ĐH320	1
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
99000	144				Thi kết thúc học phần			*			890
931144	01	02			Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	*			5678901

In Ngày 29/04/20

Hưng Yên, Ngày 29 tháng 04 năm 2020
Người lập biểu

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (114172) - Sĩ Số: 26 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456789012
Thời Khóa Biểu Học Tập											
711168	42				Kỹ năng mềm 3	71013	Cúc	2	1234-----	ĐH315	9
931149	02	01			Kế toán hành chính sự nghiệp	93036	Thủy	2	1234-----	ĐH501	1
911407	14				Đường lối CM của ĐCSVN	91027	Ngân	2	-----8901-----	ĐH315	3423456789012345
711168	42				Kỹ năng mềm 3	71013	Cúc	3	1234-----	ĐH315	9
931822	02	01			Thanh toán quốc tế	93026	Huệ	3	1234-----	ĐH517	01234567
711168	42				Kỹ năng mềm 3	71013	Cúc	3	-----78901-----	ĐH315	9
931228	02				Kiểm toán căn bản	93030	Quỳnh	3	-----78-----	ĐH315	42345678
931822	02				Thanh toán quốc tế	93026	Huệ	3	-----7890-----	ĐH315	67
931848	02	03			Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	3	-----789-----	ĐH315	0
931162	02	01			Kế toán thuế	93051	Yến	3	-----8901-----	ĐH315	1
931144	02				Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	3	-----901-----	ĐH315	4234
931828	02	02			Bảo hiểm	93039	Đào	3	-----901-----	ĐH315	4
931848	02	03			Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	3	-----01-----	ĐH315	0
931334	05				Luật kinh tế	93041	Yến	4	1234-----	ĐH309	4234567890123456
711168	42				Kỹ năng mềm 3	71013	Cúc	4	-----78901-----	ĐH315	9
931144	02				Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	4	-----78-----	ĐH315	4234
931828	02				Bảo hiểm	93039	Đào	4	-----78-----	ĐH315	1234
931828	02	01			Bảo hiểm	93039	Đào	4	-----789-----	ĐH315	567
931228	02				Kiểm toán căn bản	93030	Quỳnh	4	-----901-----	ĐH315	42345678
931817	02				Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	4	-----901-----	ĐH315	123
931828	02	02			Bảo hiểm	93039	Đào	4	-----90-----	ĐH315	4
931828	02	01			Bảo hiểm	93039	Đào	4	-----01-----	ĐH315	567
931817	02	03			Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	5	123-----	ĐH520	4

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học												
											1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
931149	02				Kế toán hành chính sự nghiệp	93036	Thủy	5	-----78-----	ĐH315	34			2345	78								
931848	02				Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	5	-----789-----	ĐH315											123		
931848	02	01			Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	5	-----789-----	ĐH315											9		
931848	02	02			Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	5	-----789-----	ĐH315												567	
931149	02				Kế toán hành chính sự nghiệp	93036	Thủy	5	-----901-----	ĐH315	34			2345	78								
931848	02				Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	5	-----01-----	ĐH315											123		
931848	02	01			Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	5	-----01-----	ĐH315											9		
931848	02	02			Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	5	-----01-----	ĐH315												567	
931162	02				Kế toán thuế	93051	Yến	6	-----78-----	ĐH315	34			234567									
931828	02				Bảo hiểm	93039	Đào	6	-----789-----	ĐH315											1234		
931817	02	01			Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	6	-----789-----	ĐH315											9		
931817	02	02			Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	6	-----789-----	ĐH315												567	
931162	02				Kế toán thuế	93051	Yến	6	-----901-----	ĐH315	34			234567									
931817	02				Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	6	-----01-----	ĐH315											123		
931817	02	01			Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	6	-----01-----	ĐH315											9		
931817	02	03			Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	6	-----01-----	ĐH315												4	
931817	02	02			Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	6	-----01-----	ĐH315												567	
931228	02	01			Kiểm toán căn bản	93030	Quỳnh	7	-----7890-----	ĐH315											1		
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB																							
99000	145				Thi kết thúc học phần			*													890		
931144	02	01			Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	*													5678901		

In Ngày 29/04/20

Hưng Yên, Ngày 29 tháng 04 năm 2020
Người lập biểu

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (114173) - Sĩ Số: 19 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học	
12345678901234567890123456789012												
Thời Khóa Biểu Học Tập												
931334	02				Luật kinh tế	93041	Yến	2	1234-----	HD404A	34	2345678901234
931228	03	01			Kiểm toán căn bản	93017	Thành	2	-----8901-----	HD502A		1
711168	43				Kỹ năng mềm 3	71019	Ngọc	3	12345-----	HD404A		89
931228	03				Kiểm toán căn bản	93017	Thành	3	123-----	HD404A	34	234567
931817	03				Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	3	123-----	HD302B		01234567
931228	03				Kiểm toán căn bản	93017	Thành	3	---45-----	HD404A	34	234567
931817	03				Phương pháp nghiên cứu KD	93045	Hạnh	3	---45-----	HD302B		01234567
711168	43				Kỹ năng mềm 3	71019	Ngọc	3	-----8901-----	HD302B		89
931848	03	01			Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	3	-----8901-----	HD502A		4
931162	03				Kế toán thuế	93051	Yến	4	123-----	HD404A	4	2345678
931822	03				Thanh toán quốc tế	93026	Huệ	4	123-----	HD502A		01234567
931848	03				Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	4	123-----	HD404A		9
931162	03				Kế toán thuế	93051	Yến	4	---45-----	HD404A	4	2345678
931822	03				Thanh toán quốc tế	93026	Huệ	4	---45-----	HD502A		01234567
931848	03				Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	4	---45-----	HD404A		9
931162	03	01			Kế toán thuế	93051	Yến	4	-----8901-----	HD502A		1
931828	03				Bảo hiểm	93039	Đào	5	1234-----	HD404A		789 1234567
931149	03				Kế toán hành chính sự nghiệp	93030	Quỳnh	5	-----8901-----	HD502A	34	2345 789 12
931144	03				Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	6	123-----	HD502A	34	23456789
931848	03	02			Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	6	123-----	HD404A		123 567
931144	03				Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	6	---45-----	HD502A	34	23456789
931848	03	02			Kế toán doanh nghiệp TMDV	93019	Huệ	6	---45-----	HD404A		123 567
931144	03	01			Phân tích hoạt động kinh doanh	93020	Huyền	7	1234-----	HD502A		1

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	TỔ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456789012
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
99000	146				Thi kết thúc học phần			*			890

In Ngày 29/04/20

Hưng Yên, Ngày 29 tháng 04 năm 2020
Người lập biểu

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (114182) - Sĩ Số: 32 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
12345678901234567890123456789012											
Thời Khóa Biểu Học Tập											
151140	52				Tiếng Anh 2	01135	Dương	2	12345-----	ĐH401	345 2345678 0123
931395	01				Toán kinh tế 2 (1+1*)	93047	Tươi	3	123-----	ĐH518	89012
931396	02				Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93009	Chiêu	3	12-----	ĐH520	5
931396	02				Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93009	Chiêu	3	--345-----	ĐH520	5
931395	01				Toán kinh tế 2 (1+1*)	93047	Tươi	3	---45-----	ĐH518	89012
711167	33				Kỹ năng mềm 2	71015	Liễu	4	12345-----	ĐH518	0123
931397	02	01			Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	4	12-----	ĐH518	4 234567
931396	02	01			Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93009	Chiêu	4	--345-----	ĐH518	4 234567
931602	02				Kế toán quản trị	93035	Trà	4	-----8901-----	ĐH521	45 23456789012345
911504	40				Tư tưởng Hồ Chí Minh	91027	Ngân	5	1234-----	ĐH518	34 2345 789 12
931208	03	02			Toàn cầu hóa	93064	Thành	5	-----8901-----	ĐH517	1
931396	02	01			Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93009	Chiêu	6	12-----	ĐH518	4 234567
931397	02	02			Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	6	1234-----	ĐH518	1
931397	02	01			Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	6	--345-----	ĐH518	4 234567
931208	03				Toàn cầu hóa	93064	Thành	6	-----8901-----	ĐH320	34 234567
931208	03	01			Toàn cầu hóa	93064	Thành	6	-----8901-----	ĐH320	89
931396	02	02			Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93009	Chiêu	6	-----8901-----	ĐH318	1
931397	02				Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	7	12-----	ĐH518	3
931399	02				Kinh tế lượng (1+2*)	93034	Trang	7	123-----	ĐH518	89
931399	02	01			Kinh tế lượng (1+2*)	93034	Trang	7	123-----	ĐH319	123
931397	02				Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	7	--345-----	ĐH518	3
931399	02				Kinh tế lượng (1+2*)	93034	Trang	7	---45-----	ĐH518	89
931399	02	01			Kinh tế lượng (1+2*)	93034	Trang	7	---45-----	ĐH518	123

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	TỔ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456789012
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
931820	06				Thực tập 2 (Kỹ thuật)	93019	Huệ	*			901
99000	148				Thi kết thúc học phần			*			678

In Ngày 29/04/20

Hưng Yên, Ngày 29 tháng 04 năm 2020
Người lập biểu

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (114183) - Sĩ Số: 17 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
12345678901234567890123456789012											
Thời Khóa Biểu Học Tập											
931395	02	01			Toán kinh tế 2 (1+1*)	93034	Trang	2	1234-----	HD602A	12
911504	41				Tư tưởng Hồ Chí Minh	09007	Cảnh	2	-----7890-----	HD402A	23456789
931397	03	08			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	2	-----8901-----	HD404A	5
711167	34				Kỹ năng mềm 2	71014	Duyên	3	12345-----	HD404A	34
931395	02	01			Toán kinh tế 2 (1+1*)	93034	Trang	3	1234-----	HD404A	12
931397	03	06			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	3	1234-----	HD404A	0
931399	03	01			Kinh tế lượng (1+2*)	93047	Tươi	3	12345-----	HD201B	452345
711167	34				Kỹ năng mềm 2	71014	Duyên	3	-----8901-----	HD404A	34
931397	03				Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	3	-----8901-----	HD404A	6789012
931399	03				Kinh tế lượng (1+2*)	93047	Tươi	4	12345-----	HD201B	67891
931399	03	01			Kinh tế lượng (1+2*)	93047	Tươi	4	12345-----	HD201B	452345
151140	53				Tiếng Anh 2	01110	Huyền	4	-----8901-----	HD404A	42345678901234567
931395	02				Toán kinh tế 2 (1+1*)	93034	Trang	5	12345-----	HD603A	12345
931208	04				Toàn cầu hóa	93067	Nghĩa	5	-----7890-----	HD404A	342345789
931208	04	01			Toàn cầu hóa	93067	Nghĩa	5	-----8901-----	HD404A	1
931395	02	02			Toán kinh tế 2 (1+1*)	93034	Trang	5	-----8901-----	HD404A	34567
931396	03				Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93037	Giang	6	1234-----	HD404A	3423456789
931397	03	01			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	6	1234-----	HD404A	4
931397	03	03			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	6	1234-----	HD303A	5
931602	03				Kế toán quản trị	93035	Trà	6	-----7890-----	HD404A	3423456789123456
911504	41	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	09007	Cảnh	7	1234-----	HD501A	123
931397	03	04			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	7	1234-----	HD401A	89
931397	03	02			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	7	1234-----	HD303A	4

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456789012
931397	03	07			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	7	-----7890-----	HD303A	4
931397	03	09			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	7	-----8901-----	HD404A	3
931397	03	05			Quản trị tài chính (2+1*)	93032	Yến	7	-----8901-----	HD404A	12
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
931820	07				Thực tập 2 (Kỹ thuật)	93037	Giang	*			901
99000	149				Thi kết thúc học phần			*			678
931396	03	01			Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93037	Giang	*			23456789

In Ngày 29/04/20

Hưng Yên, Ngày 29 tháng 04 năm 2020
Người lập biểu

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (114184) - Sĩ Số: 28 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
12345678901234567890123456789012											
Thời Khóa Biểu Học Tập											
911504	42				Tư tưởng Hồ Chí Minh	09037	Hương	2	-----78-----	108.	34 23456789
151140	54	02			Tiếng Anh 2	01061	Tĩnh	2	-----78-----	D3-2	0
911504	42	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	09037	Hương	2	-----78-----	108.	1
931397	04	01			Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	2	-----78901-----	108.	5
931399	04	03			Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	2	-----78901-----	108.	5
931395	03				Toán kinh tế 2 (1+1*)	93034	Trang	2	-----901-----	108.	789
931396	04				Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93016	Hương	2	-----901-----	108.	34 23456
931395	03	01			Toán kinh tế 2 (1+1*)	93034	Trang	2	-----901-----	108.	0
931395	03	02			Toán kinh tế 2 (1+1*)	93034	Trang	2	-----901-----	108.	1234
931395	03	01			Toán kinh tế 2 (1+1*)	93034	Trang	3	123-----	D3-2	0
931397	04				Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	3	-----789-----	108.	3
931399	04				Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	3	-----78901-----	108.	0123
931397	04	02			Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	3	-----789-----	108.	4 23456789
931397	04	01			Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	3	-----78901-----	108.	5
931399	04	03			Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	3	-----78901-----	108.	5
931602	04	01			Kế toán quản trị	93029	Văn	3	-----7890-----	108.	4
911504	42				Tư tưởng Hồ Chí Minh	09037	Hương	3	-----01-----	108.	34 23456789
931396	04	04			Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93016	Hương	4	1234-----	D3-1	1
931397	04	01			Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	4	1234-----	107.	5
931399	04	02			Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	4	12345-----	109.	0
151140	54	01			Tiếng Anh 2	01061	Tĩnh	4	-----789-----	A7-704	4 23456789
151140	54	02			Tiếng Anh 2	01061	Tĩnh	4	-----789-----	A7-704	0
151140	54	03			Tiếng Anh 2	01061	Tĩnh	4	-----789-----	A7-704	1234

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	TỔ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456789012
931397	04	01			Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	4	-----78901-----	108.	5
931399	04	03			Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	4	-----78901-----	108.	5
911504	42	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	09037	Hương	4	-----01-----	108.	1
931397	04	02			Quản trị tài chính (2+1*)	93042	Quyên	4	-----01-----	108.	423456789
711167	35				Kỹ năng mềm 2	71019	Ngọc	5	12345-----	C102.2	1234
931396	04	03			Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93016	Hương	5	1234-----	D2-1	789
931396	04	01			Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93016	Hương	5	1234-----	D2-1	2345
931399	04	03			Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	5	-----78901-----	108.	5
931602	04				Kế toán quản trị	93029	Văn	5	-----8901-----	108.	342345
931602	04	01			Kế toán quản trị	93029	Văn	5	-----8901-----	108.	4
931602	04	03			Kế toán quản trị	93029	Văn	5	-----8901-----	108.	789123
931396	04	02			Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93016	Hương	6	1234-----	D2-1	6
931395	03				Toán kinh tế 2 (1+1*)	93034	Trang	6	-----789-----	108.	789
931396	04				Kế toán tài chính 2 (2+1*)	93016	Hương	6	-----789-----	108.	3423456
931395	03	02			Toán kinh tế 2 (1+1*)	93034	Trang	6	-----789-----	108.	1234
931399	04	03			Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	6	-----78901-----	108.	5
151140	54				Tiếng Anh 2	01061	Tĩnh	6	-----01-----	108.	3
151140	54	01			Tiếng Anh 2	01061	Tĩnh	6	-----01-----	108.	423456789
151140	54	03			Tiếng Anh 2	01061	Tĩnh	6	-----01-----	108.	1234
931208	05				Toàn cầu hóa	93064	Thành	7	1234-----	108.	3423456789
931399	04	04			Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	7	12345-----	108.	123
931399	04	01			Kinh tế lượng (1+2*)	93063	Thảo	7	-----78901-----	107.	2345
931208	05	01			Toàn cầu hóa	93064	Thành	7	-----8901-----	107.	1
931602	04	02			Kế toán quản trị	93029	Văn	7	-----8901-----	108.	6

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456789012
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
931820	08				Thực tập 2 (Kỹ thuật)	93016	Hương	*			901
99000	150				Thi kết thúc học phần			*			678

In Ngày 29/04/20

Hưng Yên, Ngày 29 tháng 04 năm 2020
Người lập biểu

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (114191) - Sĩ Số: 26 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456789012
Thời Khóa Biểu Học Tập											
931513	03				Nguyên lý kế toán (2+1*)	93004	Hương	2	1234-----	ĐH516	23456789012
921114	52				Giáo dục thể chất 2	92009	Nam	3	123-----	SANPN1	2 123456789
911602	10				Pháp luật đại cương	09036	Giang	3	-----8901-----	ĐH516	234567890123
911102	43				Triết học Mác - Lênin	09014	Bình	4	1234-----	ĐH516	23456789012345678
931515	03				Quản trị học (2+1*)	93008	Bùi	5	1234-----	ĐH516	2345 789 1234
931616	03				Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93012	Huyền	6	1234-----	ĐH516	23456789 123
981111	03				Toán kinh tế 1	93012	Huyền	7	1234-----	ĐH516	23456789 123
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
99000	151				Thi kết thúc học phần			*			9012

Thời Khóa Biểu Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (114192) - Sĩ Số: 28 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	TỔ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456789012
Thời Khóa Biểu Học Tập											
931515	04				Quản trị học (2+1*)	93045	Hạnh	2	1234-----	ĐH414	23456789012
931513	04				Nguyên lý kế toán (2+1*)	93061	Tâm	3	1234-----	ĐH414	23456789012
921114	53				Giáo dục thể chất 2	92009	Nam	3	-----901-----	SANPN1	9
921114	53	01			Giáo dục thể chất 2	92009	Nam	3	-----901-----	SANPN1	212345678
931616	04				Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93033	Thủy	4	1234-----	ĐH414	23456789012
911602	11				Pháp luật đại cương	09007	Cảnh	4	-----7890-----	ĐH414	234567890123
981111	04				Toán kinh tế 1	93012	Huyền	5	1234-----	ĐH414	23457891234
911102	44				Triết học Mác - Lênin	09020	Nhuần	6	1234-----	ĐH414	2345678912345678
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
99000	152				Thi kết thúc học phần			*			9012

Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (114193) - Sĩ Số: 26 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
Thời Khóa Biểu Học Tập											
911102	45				Triết học Mác - Lênin	09024	Huê	2	1234-----	HD502A	23456789012345678
931616	05	01			Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93033	Thủy	2	-----78901-----	HD603A	1234567
921114	54				Giáo dục thể chất 2	92015	Toàn	3	123-----	H_TD1	2123456789
981111	05				Toán kinh tế 1	93012	Huyền	3	-----7890-----	HD602A	2345678901
931513	05	01			Nguyên lý kế toán (2+1*)	93037	Giang	3	-----8901-----	HD602A	234567
981111	05	01			Toán kinh tế 1	93012	Huyền	4	1234-----	HD404A	2
931515	05				Quản trị học (2+1*)	93013	La	4	-----7890-----	HD602A	2345678901234567
931513	05				Nguyên lý kế toán (2+1*)	93037	Giang	5	-----8901-----	HD602A	2345 789 1
931513	05	01			Nguyên lý kế toán (2+1*)	93037	Giang	5	-----8901-----	HD602A	234567
931616	05				Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93033	Thủy	6	1234-----	HD603A	23456789 12
911602	12				Pháp luật đại cương	09007	Cảnh	6	-----8901-----	HD602A	23456789 1234
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
99000	153				Thi kết thúc học phần			*			9012

Thời Khóa Biểu Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: (114194) - Sĩ Số: 36 - Khoa Kinh tế
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 16/12/19 (Tuần 21)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 21). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Tên môn học	CBGD	Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456789012
Thời Khóa Biểu Học Tập											
931513	06	01			Nguyên lý kế toán (2+1*)	93017	Thành	2	-----78901-----	DL3.5	2345678
931515	06				Quản trị học (2+1*)	93008	Bùi	2	-----8901-----	DL3.5	2345678901
921114	55				Giáo dục thể chất 2	92022	Thương	3	123-----	SANTD9	2 123456789
931616	06	01			Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93024	Cường	3	-----78901-----	B2-208	2345678
911602	13				Pháp luật đại cương	93038	Nga	3	-----8901-----	DL3.5	2345678901
911102	46	01			Triết học Mác - Lênin	91021	Thùy	4	1234-----	DL4.6	0 5
931515	06	01			Quản trị học (2+1*)	93008	Bùi	4	-----78901-----	DL3.5	2345678
931513	06				Nguyên lý kế toán (2+1*)	93017	Thành	4	-----8901-----	DL3.5	2345678901
911102	46				Triết học Mác - Lênin	91021	Thùy	5	-----7890-----	DL3.5	2345 789 12345678
981111	06				Toán kinh tế 1	93052	Đức	6	-----8901-----	DL3.5	23456789 123
911602	13	01			Pháp luật đại cương	93038	Nga	7	1234-----	DL3.1	23
931616	06				Kinh tế vĩ mô (2+1*)	93024	Cường	7	-----7890-----	B2-101	23456789 12
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB											
99000	154				Thi kết thúc học phần			*			9012